

Bản án số: **1708/2026/DS-ST**

Ngày: 04/08/2026.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Hoàng Vương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Tấn Cường**;

2. Bà **Nguyễn Thị Huệ**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Bà Võ Thị Kiều – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong các ngày 13 tháng 7 và ngày 04 tháng 08 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 830/2026/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2026 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1111/2026/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 903/2026/QĐST- DS ngày 13 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V;

Địa chỉ: H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu T, sinh năm: 1998, ông Vũ Đức H, ông Trịnh Chiêu M, theo văn bản ủy quyền số 00974/04/2026/KK-VPB ngày 09/4/2026 – (có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Tầng G, số A đường L, Phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Khương D1, sinh năm: 1982- (vắng mặt).

Cư trú tại: 340/57/32, đường T, khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, Đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 09 tháng 04 năm 2026 và quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:*

Ngày 08 tháng 07 năm 2025, Bị đơn đã ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 08/7/2025 số LN2507095990347, số hồ sơ giải ngân 325-P-8915841, vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, ngày giải ngân 11/07/2025, mục đích vay tiêu dùng cá nhân và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2507095992114, số hồ sơ giải ngân LD2519102320 ngày 10/7/2025, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Lãi suất theo thỏa thuận được quy định tại khoản 5 mục II của hợp đồng.

- Đối với khoản vay theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2507095992114, số hồ sơ giải ngân LD2519102320 ngày 10/7/2025. Quá trình thực hiện hợp đồng, Bị đơn đã thanh toán được cho Nguyên đơn số tiền 12.515.399 đồng, trong đó: Nợ gốc: 3.041.145 đồng, nợ lãi: 9.474.254 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Bị đơn đã thanh toán được cho Nguyên đơn số tiền 12.515.399 đồng, trong đó: Nợ gốc: 3.041.145 đồng, nợ lãi: 9.474.254 đồng;

Dư nợ thực tế tạm tính đến ngày 04/8/2026 theo hợp đồng vay tổng cộng: 105.924.946 đồng, trong đó: nợ gốc là: 76.958.855 đồng; nợ lãi: 28.966.091 đồng.

- Đối với khoản vay sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 08/7/2025 LN2507095990347, số hồ sơ giải ngân 325-P-8915841, tạm tính đến ngày 04/8/2026, Bị đơn đã thanh toán tổng cộng 58.480.000 đồng. Trong đó: G đã trả 39.669.346 đồng; lãi và phí đã trả 2.463.256 đồng;

Dư nợ tạm tính đến ngày 04/8/2026 theo hợp đồng cho vay nêu trên tổng cộng: 25.046.671 đồng, trong đó: Nợ gốc 18.810.654 đồng; nợ lãi là 6.236.017 đồng.

Nay Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Bị đơn phải thanh toán toàn bộ các khoản nợ nói trên tạm tính tổng cộng là 130.971.617 đồng. Trong đó: nợ gốc là 95.769.509 đồng; nợ lãi 35.202.108 đồng.

Yêu cầu Bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, phí phát sinh từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết khoản nợ nêu trên.

* Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng Bị đơn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên không ghi nhận được ý kiến trình bày, Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của Nguyên đơn có căn cứ xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng, Bị đơn cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Bị đơn đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Nguyên đơn. Quá trình thực hiện hợp đồng, Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Xét, Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Xét, Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định.

[1.3] Xét, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Nguyên đơn giao nộp kèm theo đơn khởi kiện; các tài liệu chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án đều được kiểm tra công khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, các tài liệu chứng cứ này có giá trị chứng minh cho quyền lợi, nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án.

[2]. Về pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét, theo quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 thì Nguyên đơn có quyền khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc Bị đơn trả tiền nợ gốc, tiền lãi khi đến hạn là có căn cứ để xem xét.

[2.2] Xét, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Nguyên đơn đã nộp kèm đơn khởi kiện; căn cứ lời trình bày của Nguyên đơn đã có đủ cơ sở đã khẳng định ngày 08 tháng 07 năm 2025, Bị đơn đã ký giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 08/7/2025, số hồ sơ giải ngân LD2519102320, lãi suất 34%/năm; thời hạn vay: 48 tháng, ngày giải ngân 11/7/2025, mục đích vay tiêu dùng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 LN2507095990347 đồng, số hồ sơ giải ngân 325-P-8915841, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 39.48%/năm giải ngân ngày 11/7/2025 nhằm mục đích tiêu dùng, là có thật nên quyền và nghĩa vụ của các bên đã phát sinh.

[2.3] Xét, căn cứ lời khai của Nguyên đơn sau khi được giải ngân số tiền vay theo:

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 08/7/2025, số hồ sơ giải ngân LD2519102320, lãi suất 34%/năm; thời hạn vay: 48 tháng, số tiền giải ngân là 80.000.000 đồng, ngày giải ngân 11/7/2025, mục đích vay tiêu dùng. Từ khi vay Bị đơn đã thanh toán 12.515.399 đồng. Trong đó: Nợ gốc đã trả 3.041.145 đồng, nợ lãi đã trả 9.474.254 đồng rồi ngưng, không trả nữa.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 LN2507095990347 đồng, số hồ sơ giải ngân 325-P-8915841, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 39.48%/năm giải ngân số tiền 20.000.000 đồng ngày 11/7/2025 nhằm mục đích tiêu dùng. Từ khi vay Bị đơn đã thanh toán 58.480.000 đồng. Trong đó: Nợ gốc đã trả 39.669.346 đồng, nợ lãi và phí đã trả 2.463.256 đồng;

Do đó, ngày 15/12/2025 Nguyên đơn đã chuyển toàn bộ khoản nợ gốc sang nợ quá hạn là phù hợp theo thoả thuận tại Điều 1 giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng.

Dư nợ thực tế tạm tính đến ngày 04/8/2026 theo hợp đồng vay tổng cộng: 105.924.946 đồng, trong đó: nợ gốc là: 76.958.855 đồng; nợ lãi: 28.966.091 đồng.

- Đối với khoản vay sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 08/7/2025 LN2507095990347, số hồ sơ giải ngân 325-P-8915841, tạm tính đến ngày 04/8/2026, Bị đơn đã thanh toán tổng cộng 58.480.000 đồng. Trong đó: G đã trả 39.669.346 đồng; lãi và phí đã trả 2.463.256 đồng;

Dư nợ tạm tính đến ngày 04/8/2026 theo hợp đồng cho vay nêu trên tổng cộng: 25.046.671 đồng, trong đó: Nợ gốc 18.810.654 đồng; nợ lãi là 6.236.017 đồng.

Nay Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Bị đơn phải thanh toán toàn bộ các khoản nợ nói trên tạm tính tổng cộng là 130.971.617 đồng. Trong đó: nợ gốc là 95.769.509 đồng; nợ lãi 35.202.108 đồng.

[2.4] Xét, giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ký ngày 08 tháng 07 năm 2025 có mục đích, hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 280, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 và Điều 100, 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định về hoạt động ngân hàng của Ngân hàng thương mại, về lãi suất trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, về chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ; Thông tư số: 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng có hiệu lực nên yêu cầu buộc bị đơn trả tiền nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Xét, về tiền lãi: Nguyên đơn tính lãi trên tiền nợ vay theo mức lãi suất quá hạn đối với nợ gốc bị quá hạn tại thời điểm chuyển sang nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn theo khoản 2.2 Điều 2 của Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử nên việc áp dụng lãi đối với dư nợ kể từ ngày bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ thì số tiền nợ gốc nguyên đơn đã chuyển sang nợ quá hạn được các bên thoả thuận là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.6] Xét, theo yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Bị đơn đã được nhiều lần triệu tập đến Tòa án để lấy lời khai về những vấn đề liên quan đến vụ án nhưng Bị đơn vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng Bị đơn không đến Tòa, cũng không có văn bản trả lời cho Tòa án biết.

Việc Bị đơn vắng mặt không đến Tòa án là tự từ bỏ quyền được chứng minh nên phải gánh chịu hậu quả bất lợi theo quy định của pháp luật. Do đó, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 thì Tòa án chỉ giải quyết vụ án theo những chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

[2.7] Xét, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hợp đồng tín dụng do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 144; khoản 1 Điều 147, Điều 186, Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; và các Điều 280, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 365 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án Dân sự năm 2025.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

- Buộc bà Nguyễn Thị Khương D1 có trách nhiệm trả cho Nguyên đơn số tiền còn nợ là 130.971.617 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 95.769.509 đồng; nợ lãi là: 35.202.108 đồng, (theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 08/7/2025, số hồ sơ giải ngân LD2519102320 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 LN2507095990347 đồng, số hồ sơ giải ngân 325-P-8915841).

- Kể từ ngày tiếp theo ngày 05/8/2026 của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Khương D1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP V thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Khương D1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP V.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Khương D1 phải chịu 6.548.581 đồng (Sáu triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm tám mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 2.774.296 VNĐ (Hai triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn, hai trăm chín mươi sáu đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0028354 ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP V, bà Nguyễn Thị Khương D1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Điều 6 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện và thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND.KV7;
- Cơ quan THA.DS.TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ (Tk.Huyền-13b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Hoàng Vương

Các Hội Thẩm Nhân Dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Hoàng Vương